



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Bình Dương

Số 25 + 26

Ngày 02 tháng 8 năm 2022

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

12-7-2022	Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND quy định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình trên địa bàn tỉnh Bình Dương.	02
-----------	--	----

(Đăng từ Công báo số 17+18 đến số 25+26)

VIII. TƯ VẤN QUA TRUYỀN HÌNH: 01.03.09.00.00

a) Thành phần công việc:

- + Nghiên cứu, đề xuất ý tưởng kịch bản.
- + Duyệt ý tưởng kịch bản.
- + Thu thập thông tin liên quan đề tài.
- + Xây dựng đề cương kịch bản.
- + Duyệt đề cương kịch bản.
- + Lập kế hoạch sản xuất.
- + Duyệt kế hoạch.
- + Quay phim.
- + Sao lưu dữ liệu.
- + Xem hình và dựng sơ bộ.
- + Hoàn thiện kịch bản và lời bình.
- + Duyệt kịch bản và lời bình.
- + Đọc lời bình.
- + Dựng hoàn thiện (bao gồm cả chỉnh sửa).
- + Duyệt sản phẩm.
- + Xuất file.

b) Định mức tư vấn qua truyền hình:

b1) Thời lượng 30 phút

Đơn vị tính: 01 chương trình truyền hình

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số định mức
01.03.09.00.10	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)		
	Biên tập viên hạng III 3/9	Công	12,00
	Biên tập viên hạng III 6/9	Công	1,09
	Biên tập viên hạng III 8/9	Công	0,22

	Kỹ thuật dựng phim hạng II	3/9	Công	0,56
	Kỹ thuật dựng phim hạng II	6/9	Công	0,11
	Kỹ thuật viên	5/12	Công	3,00
	Quay phim viên hạng III	3/9	Công	3,19
	<u>Máy sử dụng</u>			
	Hệ thống dựng phi tuyến		Giờ	23,05
	Máy in		Giờ	0,11
	Máy quay		Giờ	24,00
	Máy tính		Giờ	62,30
	<u>Vật liệu sử dụng</u>			
	Giấy		Ram	0,14
	Mực in		Hộp	0,05
				1

IX. TƯỜNG THUẬT TRỰC TIẾP: 01.03.10.01.00

a) Thành phần công việc:

- + Liên hệ đơn vị cơ sở.
- + Khảo sát hiện trường.
- + Lập kế hoạch tổng thể.
- + Duyệt kế hoạch.
- + Triển khai kế hoạch thực hiện.
- + Triển khai thiết bị tại hiện trường.
- + Chạy thử chương trình.
- + Ghi hình trực tiếp.
- + Thu dọn hiện trường.

b) Định mức tường thuật trực tiếp:

b1) Thời lượng 45 phút

Đơn vị tính: 01 chương trình

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số định mức
01.03.10.01.10	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)		
	Biên tập viên hạng III 2/9	Công	1,72
	Biên tập viên hạng III 3/9	Công	4,72
	Biên tập viên hạng III 6/9	Công	5,13
	Biên tập viên hạng III 8/9	Công	1,84
	Đạo diễn truyền hình hạng III 3/9	Công	6,34
	Đạo diễn truyền hình hạng III 6/9	Công	5,47
	Kỹ thuật viên 5/12	Công	10,31
	Quay phim viên hạng III 3/9	Công	13,75
	<u>Máy sử dụng</u>		

	Máy in	Giờ	0,26
	Máy quay phim	Giờ	70,00
	Máy tính	Giờ	30,00
	Xe màu	Giờ	7,75
	<u>Vật liệu sử dụng</u>		
	Giấy	Ram	0,31
	Mực in	Hộp	0,10
			1

b2) Thời lượng 60 phút

Đơn vị tính: 01 chương trình

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số định mức
01.03.10.01.20	<u>Nhân công</u> <u>(Chức danh - Cấp bậc)</u>		
	Biên tập viên hạng III 2/9	Công	1,75
	Biên tập viên hạng III 3/9	Công	4,75
	Biên tập viên hạng III 6/9	Công	5,13
	Biên tập viên hạng III 8/9	Công	1,88
	Đạo diễn truyền hình hạng III 3/9	Công	6,38
	Đạo diễn truyền hình hạng III 6/9	Công	5,50
	Kỹ thuật viên 5/12	Công	10,50
	Quay phim viên hạng III 3/9	Công	14,00
	<u>Máy sử dụng</u>		

	Máy in	Giờ	0,29
	Máy quay phim	Giờ	72,00
	Máy tính	Giờ	30,00
	Xe màu	Giờ	9,00
	<u>Vật liệu sử dụng</u>		
	Giấy	Ram	0,35
	Mực in	Hộp	0,12
			1

b3) Thời lượng 90 phút

Đơn vị tính: 01 chương trình

Mã hiệu	Thành phần hao phí		Đơn vị	Trị số định mức
01.03.10.01.30	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)			
	Biên tập viên hạng III	2/9	Công	1,81
	Biên tập viên hạng III	3/9	Công	4,81
	Biên tập viên hạng III	6/9	Công	5,13
	Biên tập viên hạng III	8/9	Công	1,94
	Đạo diễn truyền hình hạng III	3/9	Công	6,44
	Đạo diễn truyền hình hạng III	6/9	Công	5,56
	Kỹ thuật viên	5/12	Công	10,88
	Quay phim viên hạng III	3/9	Công	14,50
	<u>Máy sử dụng</u>			
	Máy in		Giờ	0,29
	Máy quay phim		Giờ	76,00
	Máy tính		Giờ	30,00

	Xe màu		Giờ	10,50
	<u>Vật liệu sử dụng</u>			
	Giấy		Ram	0,35
	Mực in		Hộp	0,12
				1

b4) Thời lượng 120 phút

Đơn vị tính: 01 chương trình

Mã hiệu	Thành phần hao phí		Đơn vị	Trị số định mức
01.03.10.01.40	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)			
	Biên tập viên hạng III	2/9	Công	1,88
	Biên tập viên hạng III	3/9	Công	4,88
	Biên tập viên hạng III	6/9	Công	5,13
	Biên tập viên hạng III	8/9	Công	2,00
	Đạo diễn truyền hình hạng III	3/9	Công	6,50
	Đạo diễn truyền hình hạng III	6/9	Công	5,63
	Kỹ thuật viên	5/12	Công	11,25
	Quay phim viên hạng III	3/9	Công	15,00
	<u>Máy sử dụng</u>			
	Máy in		Giờ	0,37
	Máy quay phim		Giờ	80,00
	Máy tính		Giờ	30,00
	Xe màu		Giờ	11,00
	<u>Vật liệu sử dụng</u>			
	Giấy		Ram	0,44
	Mực in		Hộp	0,15
				1

b5) Thời lượng 150 phút

Đơn vị tính: 01 chương trình

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số định mức
01.03.10.01.50	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)		
	Biên tập viên hạng III 2/9	Công	1,94
	Biên tập viên hạng III 3/9	Công	4,94
	Biên tập viên hạng III 6/9	Công	5,13
	Biên tập viên hạng III 8/9	Công	2,06
	Đạo diễn truyền hình hạng III 3/9	Công	6,56
	Đạo diễn truyền hình hạng III 6/9	Công	5,69
	Kỹ thuật viên 5/12	Công	11,63
	Quay phim viên hạng III 3/9	Công	15,50
	<u>Máy sử dụng</u>		
	Máy in	Giờ	0,49
	Máy quay phim	Giờ	84,00
	Máy tính	Giờ	30,00
	Xe màu	Giờ	11,50
	<u>Vật liệu sử dụng</u>		
	Giấy	Ram	0,59
	Mực in	Hộp	0,20
			1

b6) Thời lượng 180 phút

Đơn vị tính: 01 chương trình

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số định mức
01.03.10.01.60	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)		
	Biên tập viên hạng III 2/9	Công	2,00
	Biên tập viên hạng III 3/9	Công	5,00
	Biên tập viên hạng III 6/9	Công	5,13
	Biên tập viên hạng III 8/9	Công	2,13
	Đạo diễn truyền hình hạng III 3/9	Công	6,63
	Đạo diễn truyền hình hạng III 6/9	Công	5,75
	Kỹ thuật viên 5/12	Công	11,83
	Quay phim viên hạng III 3/9	Công	16,00
	<u>Máy sử dụng</u>		
	Máy in	Giờ	0,49
	Máy quay phim	Giờ	88,00
	Máy tính	Giờ	30,00
	Xe màu	Giờ	12,00
	<u>Vật liệu sử dụng</u>		
	Giấy	Ram	0,59
	Mực in	Hộp	0,20
			1

X. HÌNH HIỆU, TRAILER: 01.03.11.00.00**1. Trailer cổ động: 01.03.11.10.00**

a) Thành phần công việc:

- + Nghiên cứu, đề xuất ý tưởng kịch bản.
- + Duyệt ý tưởng kịch bản.
- + Thu thập các thông tin liên quan về hình hiệu.
- + Xây dựng kịch bản.
- + Duyệt kịch bản.
- + Đọc lời bình.
- + Dựng trailer.
- + Duyệt sản phẩm.
- + Xuất file.

b) Định mức trailer cổ động:

b1) Thời lượng 01 phút

Đơn vị tính: 01 trailer

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số định mức
01.03.11.10.10	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)		
	Biên tập viên hạng III 4/9	Công	1,25
	Biên tập viên hạng III 6/9	Công	0,42
	Biên tập viên hạng III 8/9	Công	0,05
	Kỹ thuật dựng phim hạng II 4/9	Công	0,53
	Kỹ thuật dựng phim hạng II 6/9	Công	0,04
	Phát thanh viên hạng III 5/10	Công	0,01
	<u>Máy sử dụng</u>		
	Hệ thống dựng đồ hoạ	Giờ	5,64
	Hệ thống phòng đọc	Giờ	0,08
	Máy in	Giờ	0,003

	Máy tính		Giờ	8,67
	<u>Vật liệu sử dụng</u>			
	Giấy		Ram	0,004
	Mực in		Hộp	0,001
				1

b2) Thời lượng 01 phút 30 giây

Đơn vị tính: 01 trailer

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số định mức
01.03.11.10.20	<u>Nhân công</u> <u>(Chức danh - Cấp bậc)</u>		
	Biên tập viên hạng III 4/9	Công	1,40
	Biên tập viên hạng III 6/9	Công	0,56
	Biên tập viên hạng III 8/9	Công	0,06
	Kỹ thuật dựng phim hạng II 4/9	Công	0,59
	Kỹ thuật dựng phim hạng II 6/9	Công	0,05
	Phát thanh viên hạng III 5/10	Công	0,01
	<u>Máy sử dụng</u>		
	Hệ thống dựng đồ hoạ	Giờ	6,25
	Hệ thống phòng đọc	Giờ	0,08
	Máy in	Giờ	0,003
	Máy tính	Giờ	10,17
	<u>Vật liệu sử dụng</u>		
	Giấy	Ram	0,004
	Mực in	Hộp	0,001

b3) Thời lượng 02 phút 20 giây

Đơn vị tính: 01 trailer

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số định mức
01.03.11.10.30	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)		

	Biên tập viên hạng III	4/9	Công	1,81
	Biên tập viên hạng III	6/9	Công	0,82
	Biên tập viên hạng III	8/9	Công	0,07
	Kỹ thuật dựng phim hạng II	4/9	Công	0,91
	Kỹ thuật dựng phim hạng II	6/9	Công	0,06
	Phát thanh viên hạng III	5/10	Công	0,02
	<u>Máy sử dụng</u>			
	Hệ thống dựng đồ hoạ		Giờ	9,25
	Hệ thống phòng đọc		Giờ	0,13
	Máy in		Giờ	0,003
	Máy tính		Giờ	12,67
	<u>Vật liệu sử dụng</u>			
	Giấy		Ram	0,004
	Mực in		Hộp	0,001
				1

2. Trailer giới thiệu: 01.03.11.20.00

a) Thành phần công việc:

- + Nghiên cứu, đề xuất ý tưởng kịch bản.
- + Duyệt ý tưởng kịch bản.
- + Viết lời dẫn, lời bình.
- + Duyệt lời dẫn, lời bình.
- + Đọc lời bình.
- + Dựng trailer.
- + Duyệt sản phẩm.
- + Xuất file.

b) Định mức trailer giới thiệu:

Đơn vị tính: 01 trailer

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số định mức sản xuất chương trình 45 giây	Trị số định mức sản xuất chương trình 01 phút	Trị số định mức sản xuất chương trình 01 phút 30 giây
01.03.11.20.10	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)				
	Biên tập viên hạng III 3/9	Công	0,47	0,56	0,66
	Biên tập viên hạng III 6/9	Công	0,07	0,07	0,08
	Biên tập viên hạng III 8/9	Công	0,02	0,04	0,05
	Kỹ thuật dựng phim hạng II 3/9	Công	0,33	0,38	0,45
	Kỹ thuật dựng phim hạng II 6/9	Công	0,01	0,03	0,04
	Phát thanh viên hạng III 5/10	Công	0,01	0,01	0,01
	<u>Máy sử dụng</u>				
	Hệ thống dựng đồ họa	Giờ	3,06	3,75	4,47
	Hệ thống phòng đọc	Giờ	0,08	0,08	0,08
	Máy in	Giờ	0,003	0,003	0,003
	Máy tính	Giờ	2,17	2,67	3,22
	<u>Vật liệu sử dụng</u>				
	Giấy	Ram	0,004	0,004	0,004
	Mực in	Hộp	0,001	0,001	0,001
			1	2	3

3. Hình hiệu kênh: 01.03.11.30.00

a) Thành phần công việc:

- + Nghiên cứu, đề xuất ý tưởng kịch bản.
- + Duyệt ý tưởng kịch bản.
- + Xây dựng kịch bản.

- + Duyệt kịch bản.
- + Thu thập các thông tin liên quan về hình hiệu kênh.
- + Dựng hình hiệu.
- + Duyệt sản phẩm.
- + Xuất file.

b) Định mức hình hiệu kênh:

Đơn vị tính: 01 hình hiệu

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số định mức
01.03.11.30.00	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)		
	Biên tập viên hạng III 7/9	Công	1,50
	Biên tập viên hạng III 6/9	Công	32,06
	Biên tập viên hạng III 8/9	Công	0,56
	Kỹ thuật dựng phim hạng II 7/9	Công	5,56
	Kỹ thuật dựng phim hạng II 6/9	Công	20,50
	<u>Máy sử dụng</u>		
	Hệ thống dựng đồ họa	Giờ	165,00
	Máy in	Giờ	0,003
	Máy tính	Giờ	112,00
	<u>Vật liệu sử dụng</u>		
	Giấy	Ram	0,004
	Mực in	Hộp	0,001
			1

4. Bộ hình hiệu chương trình: 01.03.11.40.00

a) Thành phần công việc:

- + Nghiên cứu, đề xuất ý tưởng kịch bản.
- + Duyệt ý tưởng kịch bản.

- + Xây dựng kịch bản.
- + Duyệt kịch bản.
- + Thu thập các thông tin liên quan về bộ hình hiệu.
- + Dựng bộ hình hiệu.
- + Duyệt sản phẩm.
- + Xuất file.

b) Định mức bộ hình hiệu chương trình:

Đơn vị tính: 01 bộ hình hiệu

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số định mức
01.03.11.40.00	<u>Nhân công</u> <u>(Chức danh - Cấp bậc)</u>		
	Biên tập viên hạng III 5/9	Công	11,50
	Biên tập viên hạng III 6/9	Công	0,40
	Biên tập viên hạng III 8/9	Công	0,15
	Kỹ thuật dựng phim hạng II 5/9	Công	7,63
	Kỹ thuật dựng phim hạng II 6/9	Công	3,40
	<u>Máy sử dụng</u>		
	Hệ thống dựng đồ họa	Giờ	61,60
	Máy in	Giờ	0,003
	Máy tính	Giờ	36,00
	<u>Vật liệu sử dụng</u>		
	Giấy	Ram	0,004
	Mực in	Hộp	0,001
			1

5. Hình hiệu quảng cáo: 01.03.11.50.00

a) Thành phần công việc:

- + Nghiên cứu, đề xuất ý tưởng kịch bản.
- + Duyệt ý tưởng kịch bản.
- + Xây dựng kịch bản.

- + Duyệt kịch bản.
- + Thu thập các thông tin liên quan.
- + Dựng hình hiệu.
- + Duyệt sản phẩm.
- + Xuất file.

b) Định mức hình hiệu quảng cáo thời lượng 30 giây:

Đơn vị tính: 01 hình hiệu

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số định mức
01.03.11.50.10	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)		
	Biên tập viên hạng III 4/9	Công	16,65
	Biên tập viên hạng III 6/9	Công	0,54
	Biên tập viên hạng III 8/9	Công	0,16
	Kỹ thuật dựng phim hạng II 4/9	Công	1,63
	Kỹ thuật dựng phim hạng II 6/9	Công	0,04
	<u>Máy sử dụng</u>		
	Hệ thống dựng đồ họa	Giờ	62,19
	Máy in	Giờ	0,01
	Máy tính	Giờ	10,00
	<u>Vật liệu sử dụng</u>		
	Giấy	Ram	0,01
	Mực in	Hộp	0,004
			1

6. Đồ họa: 01.03.12.00.00

Đồ họa mô phỏng động: 01.03.12.10.00

a) Thành phần công việc:

- + Nghiên cứu, đề xuất ý tưởng kịch bản.
- + Duyệt ý tưởng kịch bản.
- + Thu thập các thông tin liên quan.

+ Thiết kế đồ họa 3D.

+ Duyệt sản phẩm.

+ Xuất file.

b) Định mức đồ họa mô phỏng động:

Đơn vị tính: 01 đồ họa

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số định mức
01.03.12.10.00	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)		
	Biên tập viên hạng III 3/9	Công	0,31
	Biên tập viên hạng III 6/9	Công	0,03
	Kỹ thuật dựng phim hạng II 4/9	Công	3,00
	Kỹ thuật dựng phim hạng II 6/9	Công	0,14
	<u>Máy sử dụng</u>		
	Hệ thống dựng đồ họa	Giờ	24,17
	Máy in	Giờ	0,003
	Máy tính	Giờ	0,67
	<u>Vật liệu sử dụng</u>		
	Giấy	Ram	0,004
	Mực in	Hộp	0,001
			1

Đồ họa mô phỏng tĩnh: 01.03.12.20.00

a) Thành phần công việc:

+ Nghiên cứu, đề xuất ý tưởng kịch bản.

+ Duyệt ý tưởng kịch bản.

+ Thu thập các thông tin liên quan.

+ Thiết kế đồ họa 2D.

+ Duyệt sản phẩm.

+ Xuất file.

b) Định mức đồ họa mô phỏng tĩnh :

Đơn vị tính: 01 đồ họa

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số định mức
01.03.12.20.00	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)		
	Biên tập viên hạng III 3/9	Công	0,20
	Biên tập viên hạng III 6/9	Công	0,02
	Kỹ thuật dựng phim hạng II 4/9	Công	0,69
	Kỹ thuật dựng phim hạng II 6/9	Công	0,02
	<u>Máy sử dụng</u>		
	Hệ thống dựng đồ họa	Giờ	5,67
	Máy in	Giờ	0,003
	Máy tính	Giờ	0,67
	<u>Vật liệu sử dụng</u>		
	Giấy	Ram	0,004
	Mực in	Hộp	0,001
			1

Đồ họa bản tin dạng mô phỏng động: 01.03.12.30.00

a) Thành phần công việc:

+ Nghiên cứu, đề xuất ý tưởng kịch bản.

+ Duyệt ý tưởng kịch bản.

+ Thu thập thông tin liên quan.

+ Thiết kế đồ họa 3D.

+ Duyệt sản phẩm.

+ Xuất file.

b) Định mức đồ họa Bản tin truyền hình dạng mô phỏng động:

Đơn vị tính: 01 đồ họa bản tin

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số định mức
01.03.12.30.00	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)		
	Biên tập viên hạng III 3/9	Công	0,10
	Biên tập viên hạng III 6/9	Công	0,02
	Kỹ thuật dựng phim hạng II 3/9	Công	0,40
	Kỹ thuật dựng phim hạng II 6/9	Công	0,01
	<u>Máy sử dụng:</u>		
	Hệ thống dựng đồ họa	Giờ	3,40
	Máy in	Giờ	0,003
	Máy tính	Giờ	0,47
	<u>Vật liệu sử dụng</u>		
	Giấy	Ram	0,004
	Mực in	Hộp	0,001
			1

Đồ họa bản tin dạng mô phỏng tĩnh: 01.03.12.40.00

a) Thành phần công việc:

- + Nghiên cứu, đề xuất ý tưởng kịch bản.
- + Duyệt ý tưởng kịch bản.
- + Thu thập thông tin liên quan.
- + Thiết kế đồ họa 2D.
- + Duyệt sản phẩm.
- + Xuất file.

b) Định mức đồ họa Bản tin truyền hình - mô phỏng tĩnh:

Đơn vị tính: 01 đồ họa

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số định mức
01.03.12.40.00	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)		
	Biên tập viên hạng III 3/9	Công	0,07
	Biên tập viên hạng III 6/9	Công	0,02
	Kỹ thuật dựng phim hạng II 3/9	Công	0,12
	Kỹ thuật dựng phim hạng II 6/9	Công	0,01
	<u>Máy sử dụng:</u>		
	Hệ thống dựng đồ họa	Giờ	1,13
	Máy in	Giờ	0,003
	Máy tính	Giờ	0,42
	<u>Vật liệu sử dụng</u>		
	Giấy	Ram	0,004
	Mực in	Hộp	0,001
			1

Đồ họa bản tin dạng biểu đồ: 01.03.12.50.00

a) Thành phần công việc:

- + Nghiên cứu, đề xuất ý tưởng kịch bản.
- + Duyệt ý tưởng kịch bản.
- + Thiết kế đồ họa 2D.
- + Duyệt sản phẩm.
- + Xuất file.

b) Định mức đồ họa bản tin dạng biểu đồ:

Đơn vị tính: 01 đồ họa

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số định mức
01.03.12.50.00	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)		
	Biên tập viên hạng III 3/9	Công	0,02
	Biên tập viên hạng III 6/9	Công	0,01

	Kỹ thuật dựng phim hạng II	3/9	Công	0,04
	Kỹ thuật dựng phim hạng II	6/9	Công	0,01
	<u>Máy sử dụng</u>			
	Hệ thống dựng đồ họa		Giờ	0,43
	Máy in		Giờ	0,003
	Máy tính		Giờ	0,11
	<u>Vật liệu sử dụng</u>			
	Giấy		Ram	0,004
	Mực in		Hộp	0,001
				1

XI. TRẢ LỜI KHÁN GIÁ: 01.03.13.00.00

1. Trả lời khán giả trực tiếp: 01.03.13.01.00

a) Thành phần công việc:

- + Tiếp nhận câu hỏi từ tổng đài viên.
- + Phân loại, biên tập câu hỏi.
- + Duyệt câu hỏi.
- + Gửi câu hỏi cho chuyên gia.
- + Nhận câu trả lời và biên tập, phân loại câu trả lời.
- + Duyệt câu trả lời.
- + Xây dựng kịch bản.
- + Duyệt kịch bản.
- + Lập kế hoạch sản xuất.
- + Duyệt kế hoạch.
- + Sản xuất phóng sự linh kiện.
- + Liên hệ, trao đổi và khách mời.
- + Ghi hình chương trình.

b) Định mức trả lời khán giả trực tiếp:

Đơn vị tính: 01 chương trình

Mã hiệu	Thành phần hao phí		Đơn vị	Trị số định mức sản xuất chương trình 60 phút
01.03.13.01.10	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)			
	Âm thanh viên hạng III	3/9	Công	0,31
	Biên tập viên hạng III	2/9	Công	0,31
	Biên tập viên hạng III	3/9	Công	9,75
	Biên tập viên hạng III	6/9	Công	1,90
	Biên tập viên hạng III	8/9	Công	0,13
	Kỹ thuật dựng phim hạng II	3/9	Công	0,38
	Đạo diễn truyền hình hạng III	3/9	Công	0,31
	Kỹ thuật viên	5/12	Công	0,31
	Kỹ sư	3/9	Công	0,31
	Phát thanh viên hạng III	3/10	Công	0,03
	Phát thanh viên hạng II	2/8	Công	0,31
	Phóng viên hạng III	3/9	Công	2,94
	Quay phim viên hạng III	3/9	Công	2,69
	<u>Máy sử dụng</u>			
	Hệ thống trường quay		Giờ	2,50
	Hệ thống dựng phi tuyến		Giờ	4,67
	Hệ thống phòng đọc		Giờ	0,20
	Máy in		Giờ	0,20
	Máy quay phim		Giờ	16,00
	Máy tính		Giờ	94,50
	<u>Vật liệu sử dụng</u>			
	Giấy		Ram	0,24
	Mực in		Hộp	0,08
				1

2. Trả lời khán giả ghi hình phát sau: 01.03.13.02.00**DẠNG TRẢ LỜI ĐƠN THƯ**

a) Thành phần công việc:

- + Nhận đơn thư.
- + Nghiên cứu đơn thư.
- + Làm công văn gửi đến các cơ quan chức năng, luật sư liên quan để trả lời thư khán giả.
- + Biên tập các thư trả lời của cơ quan chức năng, luật sư liên quan đến thư của khán giả.
- + Lập đề cương kịch bản.
- + Duyệt đề cương kịch bản.
- + Lập kế hoạch sản xuất.
- + Duyệt kế hoạch.
- + Sản xuất phóng sự linh kiện.
- + Viết kịch bản.
- + Duyệt kịch bản.
- + Ghi hình chương trình.
- + Sắp xếp, ghép nối theo kịch bản.
- + Duyệt sản phẩm.
- + Xuất file.

b) Định mức trả lời khán giả ghi hình phát sau:

Đơn vị tính: 01 chương trình truyền hình

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số định mức sản xuất chương trình 15 phút
01.03.13.02.10	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)		
	Âm thanh viên hạng III 3/9	Công	0,06
	Biên tập viên hạng III 2/9	Công	1,00
	Biên tập viên hạng III 4/9	Công	8,18
	Biên tập viên hạng III 6/9	Công	0,61

	Biên tập viên hạng III	8/9	Công	0,09
	Kỹ thuật dựng phim hạng II	3/9	Công	0,66
	Đạo diễn truyền hình hạng III	3/9	Công	0,06
	Kỹ thuật dựng phim hạng II	6/9	Công	0,06
	Kỹ sư	3/9	Công	0,06
	Phát thanh viên hạng III	3/10	Công	0,02
	Phát thanh viên hạng II	1/8	Công	0,13
	Phóng viên hạng III	4/9	Công	4,77
	Quay phim viên hạng III	3/9	Công	3,13
	<u>Máy sử dụng</u>			
	Hệ thống dựng phi tuyến		Giờ	6,67
	Hệ thống phòng đọc		Giờ	0,17
	Hệ thống trường quay		Giờ	0,50
	Máy in		Giờ	0,02
	Máy quay phim		Giờ	24,00
	Máy tính		Giờ	70,75
	<u>Vật liệu sử dụng</u>			
	Giấy		Ram	0,05
	Mực in		Hộp	0,02
				1

DẠNG TRẢ LỜI CÂU HỎI THÔNG THƯỜNG CỦA KHÁN GIẢ

a) Thành phần công việc:

- + Nhận câu hỏi từ tổng đài viên.
- + Phân loại, biên tập câu hỏi.
- + Duyệt câu hỏi (gửi chuyên gia).

- + Gửi câu hỏi cho chuyên gia.
- + Nhận câu trả lời và biên tập, phân loại câu trả lời.
- + Duyệt câu trả lời.
- + Xây dựng kịch bản.
- + Duyệt kịch bản.
- + Liên hệ khách mời.
- + Ghi hình chương trình.
- + Sắp xếp, ghép nối theo kịch bản.
- + Duyệt sản phẩm.
- + Xuất file.

b) Định mức trả lời khán giả ghi hình phát sau:

Đơn vị tính: 01 chương trình truyền hình

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số định mức sản xuất chương trình thời lượng 30 phút
01.03.13.02.20	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)		
	Âm thanh viên hạng III 3/9	Công	0,19
	Biên tập viên hạng III 2/9	Công	0,19
	Biên tập viên hạng III 6/9	Công	2,81
	Biên tập viên hạng III 8/9	Công	0,06
	Biên tập viên hạng III 3/9	Công	6,44
	Đạo diễn truyền hình hạng III 3/9	Công	0,19
	Kỹ thuật dựng phim hạng II 3/9	Công	0,63
	Kỹ thuật dựng phim hạng II 6/9	Công	0,06
	Kỹ sư 3/9	Công	0,19
	Phát thanh viên hạng II 1/8	Công	0,25
	Quay phim viên hạng III 3/9	Công	0,19
	<u>Máy sử dụng</u>		
	Hệ thống trường quay	Giờ	1,50
	Hệ thống dựng phi tuyến	Giờ	6,50

	Máy in		Giờ	0,15
	Máy tính		Giờ	68,00
	<u>Vật liệu sử dụng</u>			
	Giấy		Ram	0,18
	Mực in		Hộp	0,06
				1

XII. CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN HÌNH TRÊN MẠNG INTERNET: 01.03.14.00.00

a) Thành phần công việc:

- + Chọn lựa chương trình đã phát sóng trên kênh truyền hình.
- + Biên tập lại, chọn ảnh đại diện, mô tả nội dung chính.
- + Duyệt nội dung.
- + Dựng theo yêu cầu của biên tập.
- + Chèn logo của đơn vị.
- + Chuyển định dạng file theo yêu cầu.
- + Đẩy chương trình lên hệ thống quản trị mạng.
- + Duyệt chương trình.

b) Định mức chương trình truyền hình trên mạng Internet:

b1) chương trình 05 phút

Đơn vị tính: 01 chương trình truyền hình

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số định mức
01.03.14.00.10	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)		
	Biên tập viên hạng III 3/9	Công	0,04
	Biên tập viên hạng III 6/9	Công	0,02
	Kỹ thuật dựng phim hạng II 3/9	Công	0,06
	<u>Máy sử dụng</u>		
	Hệ thống dựng phi tuyến	Giờ	0,60
	Máy tính	Giờ	0,52
			1

b2) Chương trình 10 phút

Đơn vị tính: 01 chương trình truyền hình

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số định mức
01.03.14.00.20	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)		
	Biên tập viên hạng III 3/9	Công	0,06
	Biên tập viên hạng III 6/9	Công	0,02
	Kỹ thuật dựng phim hạng II 3/9	Công	0,09
	<u>Máy sử dụng</u>		
	Hệ thống dựng phi tuyến	Giờ	0,8
	Máy tính	Giờ	0,65
			1

b3) Chương trình 15 phút

Đơn vị tính: 01 chương trình truyền hình

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số định mức
01.03.14.00.30	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)		
	Biên tập viên hạng III 3/9	Công	0,11
	Biên tập viên hạng III 6/9	Công	0,02
	Kỹ thuật dựng phim hạng II 3/9	Công	0,11
	<u>Máy sử dụng</u>		
	Hệ thống dựng phi tuyến	Giờ	0,95
	Máy tính	Giờ	0,85
			1

b4) Chương trình 20 phút

Đơn vị tính: 01 chương trình truyền hình

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số định mức
01.03.14.00.40	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)		
	Biên tập viên hạng III 3/9	Công	0,11
	Biên tập viên hạng III 6/9	Công	0,02
	Kỹ thuật dựng phim hạng II 3/9	Công	0,14
	<u>Máy sử dụng</u>		
	Hệ thống dựng phi tuyến	Giờ	1,17
	Máy tính	Giờ	1,05
			1

b5) Chương trình 30 phút

Đơn vị tính: 01 chương trình truyền hình

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số định mức
01.03.14.00.50	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)		
	Biên tập viên hạng III 3/9	Công	0,21
	Biên tập viên hạng III 6/9	Công	0,02
	Kỹ thuật dựng phim hạng II 3/9	Công	0,17
	<u>Máy sử dụng</u>		
	Hệ thống dựng phi tuyến	Giờ	1,42
	Máy tính	Giờ	1,85
			1

b6) Chương trình 45 phút

Đơn vị tính: 01 chương trình truyền hình

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số định mức
01.03.14.00.60	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)		
	Biên tập viên hạng III 3/9	Công	0,21
	Biên tập viên hạng III 6/9	Công	0,02
	Kỹ thuật dựng phim hạng II 3/9	Công	0,21
	<u>Máy sử dụng</u>		
	Hệ thống dựng phi tuyến	Giờ	1,78
	Máy tính	Giờ	1,85
			1

XIII. CHƯƠNG TRÌNH BIÊN TẬP TRONG NƯỚC: 01.03.15.00.00.

a) Thành phần công việc:

- + Biên tập chương trình.
- + Duyệt chương trình.
- + Đọc lời bình.
- + Dựng chương trình.
- + Duyệt chương trình.
- + Xuất file.

b) Định mức chương trình biên tập - trong nước:

Đơn vị tính: 01 chương trình truyền hình

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số định mức sản xuất chương trình 15 phút	Trị số định mức sản xuất chương trình 30 phút
01.03.15.10.00	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)			
	Biên tập viên hạng III 3/9	Công	0,59	1,19
	Biên tập viên hạng III 6/9	Công	0,12	0,20

	Biên tập viên hạng III	8/9	Công	0,04	0,07
	Kỹ thuật dựng phim hạng II	3/9	Công	0,27	0,54
	Kỹ thuật dựng phim hạng II	6/9	Công	0,04	0,07
	<u>Máy sử dụng</u>				
	Hệ thống dựng phi tuyến		Giờ	3,18	6,10
	Máy in		Giờ	0,01	0,03
	Máy tính		Giờ	3,38	6,50
	<u>Vật liệu</u>				
	Giấy	A4	Ram	0,01	0,03
	Mực in		Hộp	0,005	0,01
				1	2

Ghi chú: Đối với các chương trình biên tập nước ngoài định mức nhân công và Máy móc, thiết bị được nhân thêm hệ số $k = 1,5$ đối với chức danh Biên tập viên hạng III 3/9 và máy tính.

PHỤ LỤC: BIÊN DỊCH VÀ PHỤ ĐỀ

1. Biên dịch và phụ đề từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài

Biên dịch và phụ đề bản tin, chương trình thời sự, trả lời khán giả

a) Thành phần công việc:

- + Dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài.
- + Hiệu đính.
- + Gắn phụ đề tiếng nước ngoài.
- + Duyệt sản phẩm.
- + Xuất file.

b) Định mức biên dịch và phụ đề bản tin truyền hình, chương trình thời sự, trả lời khán giả:

Đơn vị tính: 01 bản tin/01 chương trình truyền hình

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số định mức sản xuất chương trình				
			5 phút	10 phút	15 phút	20 phút	30 phút
	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)						
	Biên dịch viên hạng III 4/9	Công	0,35	0,61	0,87	1,05	1,25
	Biên dịch viên hạng III 5/9	Công	0,04	0,05	0,11	0,13	0,16
	Biên dịch viên hạng III 6/9	Công	0,04	0,06	0,10	0,12	0,15
	Biên tập viên hạng III 8/9	Công	0,01	0,02	0,03	0,04	0,06
	Kỹ thuật dựng phim hạng II 3/9	Công	0,02	0,04	0,05	0,07	0,09
	<u>Máy sử dụng</u>						
	Hệ thống dựng phi tuyến	Giờ	0,33	0,64	0,92	1,19	1,75
	Máy in	Giờ	0,01	0,01	0,02	0,02	0,02
	Máy tính	Giờ	3,20	5,39	8,03	9,63	11,42
	<u>Vật liệu sử dụng</u>						
	Giấy	Ram	0,01	0,01	0,02	0,02	0,02
	Mực in	Hộp	0,003	0,004	0,01	0,01	0,01
			1	2	3	4	5

Biên dịch và phụ đề phóng sự, ký sự, phim tài liệu

a) Thành phần công việc:

- + Dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài.
- + Hiệu đính.
- + Gắn phụ đề tiếng nước ngoài.
- + Duyệt sản phẩm.
- + Xuất file.

b) Định mức biên dịch và phụ đề phóng sự, ký sự, phim tài liệu:

Đơn vị tính: 01 phóng sự/ 01 tập ký sự/ 1 tập phim tài liệu truyền hình

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số định mức sản xuất chương trình						
			5 phút	10 phút	15 phút	20 phút	25 phút	30 phút	50 phút
	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)								
	Biên dịch viên hạng III 4/9	Công	0,57	1,14	1,72	2,29	2,86	3,43	5,72
	Biên dịch viên hạng III 5/9	Công	0,07	0,14	0,21	0,28	0,35	0,42	0,69
	Biên dịch viên hạng III 6/9	Công	0,05	0,09	0,14	0,18	0,23	0,27	0,44
	Biên tập viên hạng III 8/9	Công	0,01	0,02	0,03	0,04	0,05	0,06	0,09
	Kỹ thuật dựng phim hạng II 3/9	Công	0,02	0,03	0,05	0,07	0,09	0,10	0,17
	<u>Máy sử dụng</u>								
	Hệ thống dựng phi tuyến	Giờ	0,31	0,61	0,92	1,22	1,53	1,83	2,89
	Máy in	Giờ	0,01	0,01	0,01	0,02	0,02	0,02	0,04
	Máy tính	Giờ	5,29	10,59	15,88	21,17	26,47	31,76	52,93
	<u>Vật liệu sử dụng</u>								
	Giấy	Ram	0,01	0,01	0,01	0,02	0,02	0,03	0,05
	Mực in	Hộp	0,002	0,003	0,01	0,01	0,01	0,01	0,02
			1	2	3	4	5	6	7

Biên dịch và phụ đề tạp chí

a) Thành phần công việc:

- + Dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài.
- + Hiệu đính.
- + Gắn phụ đề tiếng nước ngoài.
- + Duyệt sản phẩm.
- + Xuất file.

b) Định mức biên dịch và phụ đề tạp chí:

Đơn vị tính: 01 chương trình truyền hình

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Trị số định mức sản xuất chương trình			
		Đơn vị	15 phút	20 phút	30 phút
	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)				
	Biên dịch viên hạng III 4/9	Công	1,61	2,20	3,24
	Biên dịch viên hạng III 5/9	Công	0,20	0,27	0,39
	Biên dịch viên hạng III 6/9	Công	0,13	0,18	0,26
	Biên tập viên hạng III 8/9	Công	0,03	0,04	0,06
	Kỹ thuật dựng phim hạng II 3/9	Công	0,05	0,07	0,10
	<u>Máy sử dụng</u>				
	Hệ thống dựng phi tuyến	Giờ	0,92	1,22	1,83
	Máy in	Giờ	0,01	0,02	0,02
	Máy tính	Giờ	14,94	20,38	29,97
	<u>Vật liệu sử dụng</u>				
	Giấy	Ram	0,01	0,02	0,03
	Mực in	Hộp	0,01	0,01	0,01
			1	2	3

Biên dịch và phụ đề tọa đàm, giao lưu ghi hình phát sau, tư vấn qua truyền hình

a) Thành phần công việc:

- + Dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài.
- + Hiệu đính.
- + Gắn phụ đề tiếng nước ngoài.
- + Duyệt sản phẩm.
- + Xuất file.

b) Định mức biên dịch và phụ đề tọa đàm, giao lưu ghi hình phát sau, tư vấn qua truyền hình:

Đơn vị tính: 01 chương trình truyền hình

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số định mức sản xuất chương trình			
			15 phút	20 phút	30 phút	40 phút
	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)					
	Biên dịch viên hạng III 4/9	Công	1,43	1,95	2,93	3,16
	Biên dịch viên hạng III 5/9	Công	0,17	0,24	0,35	0,38
	Biên dịch viên hạng III 6/9	Công	0,12	0,16	0,24	0,27
	Biên tập viên hạng III 8/9	Công	0,03	0,04	0,06	0,08
	Kỹ thuật dựng phim hạng II 3/9	Công	0,05	0,07	0,10	0,14
	<u>Máy sử dụng</u>					
	Hệ thống dựng phi tuyến	Giờ	0,92	1,22	1,83	2,44
	Máy in	Giờ	0,01	0,01	0,02	0,02
	Máy tính	Giờ	13,14	17,98	26,97	28,92
	<u>Vật liệu sử dụng</u>					
	Giấy	Ram	0,01	0,02	0,02	0,03
	Mực in	Hộp	0,004	0,01	0,01	0,01
			1	2	3	4

2. Biên dịch và phụ đề từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt
Biên dịch bản tin, chương trình thời sự và trả lời khán giả

a) Thành phần công việc:

+ Dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt.

+ Hiệu đính.

+ Gắn phụ đề tiếng Việt.

+ Duyệt sản phẩm.

+ Xuất file.

b) Định mức biên dịch Bản tin truyền hình, chương trình thời sự và trả lời khán giả:

Đơn vị tính: 01 chương trình truyền hình

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số định mức sản xuất chương trình				
			5 phút	10 phút	15 phút	20 phút	30 phút
	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)						
	Biên dịch viên hạng III 4/9	Công	0,24	0,42	0,59	0,72	0,86
	Biên dịch viên hạng III 5/9	Công	0,02	0,03	0,06	0,07	0,08
	Biên dịch viên hạng III 6/9	Công	0,01	0,02	0,03	0,04	0,06
	Biên tập viên hạng III 8/9	Công	0,01	0,02	0,03	0,04	0,06
	Kỹ thuật dựng phim hạng II 3/9	Công	0,02	0,04	0,05	0,07	0,09
	<u>Máy sử dụng</u>						
	Hệ thống dựng phi tuyến	Giờ	0,24	0,47	0,67	0,86	1,25
	Máy in	Giờ	0,01	0,01	0,02	0,02	0,02
	Máy tính	Giờ	1,95	3,29	4,86	5,84	6,91
	<u>Vật liệu sử dụng</u>						
	Giấy	Ram	0,01	0,01	0,02	0,02	0,02
	Mực in	Hộp	0,003	0,004	0,01	0,01	0,01
			1	2	3	4	5

Biên dịch và phụ đề phóng sự, ký sự, phim tài liệu

a) Thành phần công việc:

+ Dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt.

+ Hiệu đính.

+ Gắn phụ đề tiếng Việt.

+ Duyệt sản phẩm.

+ Xuất file.

b) Định mức biên dịch và phụ đề phóng sự, ký sự, phim tài liệu:

Đơn vị tính: 01 phóng sự/01 tập ký sự/1 tập phim tài liệu truyền hình

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số định mức sản xuất chương trình						
			5 phút	10 phút	15 phút	20 phút	25 phút	30 phút	50 phút
	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)								
	Biên dịch viên hạng III 4/9	Công	0,39	0,78	1,17	1,56	1,95	2,34	3,90
	Biên dịch viên hạng III 5/9	Công	0,04	0,09	0,13	0,16	0,19	0,25	0,35
	Biên dịch viên hạng III 6/9	Công	0,01	0,02	0,03	0,04	0,05	0,06	0,09
	Biên tập viên hạng III 8/9	Công	0,01	0,02	0,03	0,04	0,05	0,06	0,09
	Kỹ thuật dựng phim hạng II 3/9	Công	0,02	0,03	0,05	0,07	0,09	0,10	0,17
	<u>Máy sử dụng</u>								
	Hệ thống dựng phi tuyến	Giờ	0,31	0,61	0,92	1,22	1,53	1,83	2,89
	Máy in	Giờ	0,01	0,01	0,01	0,02	0,02	0,02	0,04
	Máy tính	Giờ	3,36	6,73	10,05	13,36	16,58	20,05	32,89
	<u>Vật liệu sử dụng</u>								
	Giấy	Ram	0,01	0,01	0,01	0,02	0,02	0,03	0,05
	Mực in	Hộp	0,002	0,003	0,01	0,01	0,01	0,01	0,02
			1	2	3	4	5	6	7

Biên dịch và phụ đề tập chí

a) Thành phần công việc:

+ Dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt.

+ Hiệu đính.

+ Gắn phụ đề tiếng Việt.

+ Duyệt sản phẩm.

+ Xuất file.

b) Định mức biên dịch và phụ đề tập chí:

Đơn vị tính: 01 chương trình truyền hình

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số định mức sản xuất chương trình		
			15 phút	20 phút	30 phút
	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)				
	Biên dịch viên hạng III 4/9	Công	1,10	1,50	2,21
	Biên dịch viên hạng III 5/9	Công	0,10	0,14	0,20
	Biên dịch viên hạng III 6/9	Công	0,03	0,04	0,06
	Biên tập viên hạng III 8/9	Công	0,03	0,04	0,06
	Kỹ thuật dựng phim hạng II 3/9	Công	0,05	0,07	0,10
	<u>Máy sử dụng</u>				
	Hệ thống dựng phi tuyến	Giờ	0,92	1,22	1,83
	Máy in	Giờ	0,01	0,02	0,02
	Máy tính	Giờ	9,29	12,68	18,64
	<u>Vật liệu sử dụng</u>				
	Giấy	Ram	0,01	0,02	0,03
	Mực in	Hộp	0,01	0,01	0,01
			1	2	3

Biên dịch và phụ đề tọa đàm, giao lưu ghi hình phát sau, tư vấn qua truyền hình

a) Thành phần công việc:

+ Dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt.

+ Hiệu đính.

+ Gắn phụ đề tiếng Việt.

+ Duyệt sản phẩm.

+ Xuất file.

b) Định mức biên dịch và phụ đề tọa đàm, giao lưu ghi hình phát sau, tư vấn qua truyền hình:

Đơn vị tính: 01 chương trình truyền hình

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số định mức sản xuất chương trình			
			15 phút	20 phút	30 phút	40 phút
	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)					
	Biên dịch viên hạng III 4/9	Công	0,98	1,33	2,00	2,17
	Biên dịch viên hạng III 5/9	Công	0,09	0,12	0,18	0,19
	Biên dịch viên hạng III 6/9	Công	0,03	0,04	0,06	0,08
	Biên tập viên hạng III 8/9	Công	0,03	0,04	0,06	0,08
	Kỹ thuật dựng phim hạng II 3/9	Công	0,05	0,07	0,10	0,14
	<u>Máy sử dụng</u>					
	Hệ thống dựng phi tuyến	Giờ	0,92	1,22	1,83	2,44
	Máy in	Giờ	0,01	0,01	0,02	0,02
	Máy tính	Giờ	8,17	11,17	16,76	17,97
	<u>Vật liệu sử dụng</u>					
	Giấy	Ram	0,01	0,02	0,02	0,03
	Mực in	Hộp	0,004	0,01	0,01	0,01
			1	2	3	4

3. Biên dịch và phụ đề từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc**Biên dịch và phụ đề bản tin, trả lời khán giả**

a) Thành phần công việc:

+ Dịch từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc.

+ Đọc lời dẫn, lời bình tiếng dân tộc.

+ Ghép lời dẫn, lời bình.

+ Gắn phụ đề tiếng Việt.

+ Duyệt sản phẩm.

+ Xuất file.

b) Định mức biên dịch và phụ đề bản tin truyền hình, trả lời khán giả:

Đơn vị tính: 01 bản tin/01 chương trình

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số định mức sản xuất chương trình				
			5 phút	10 phút	15 phút	20 phút	30 phút
	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)						
	Biên dịch viên hạng III 3/9	Công	0,19	0,33	0,48	0,59	0,75
	Biên dịch viên hạng III 4/9	Công	0,05	0,08	0,11	0,13	0,15
	Biên tập viên hạng III 6/9	Công	0,01	0,02	0,03	0,04	0,06
	Biên tập viên hạng III 8/9	Công	0,01	0,02	0,03	0,04	0,06
	Kỹ thuật dựng phim hạng II 3/9	Công	0,08	0,16	0,23	0,29	0,41
	Phát thanh viên hạng III 5/10	Công	0,02	0,06	0,07	0,08	0,11
	<u>Máy sử dụng</u>						
	Hệ thống dựng phi tuyến	Giờ	0,61	1,19	1,75	2,31	3,42
	Máy in	Giờ	0,01	0,01	0,02	0,02	0,02
	Máy tính	Giờ	1,44	2,44	3,49	4,21	4,97
	Hệ thống phòng đọc	Giờ	0,01	0,01	0,02	0,02	0,02

	<u>Vật liệu sử dụng</u>							
	Giấy	Ram	0,01	0,01	0,02	0,02	0,02	
	Mực in	Hộp	0,003	0,004	0,01	0,01	0,01	
			1	2	3	4	5	

Biên dịch và phụ đề phóng sự, ký sự, phim tài liệu

a) Thành phần công việc:

- + Dịch từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc.
- + Đọc lời bình, lời dẫn tiếng dân tộc.
- + Ghép lời dẫn, lời bình.
- + Gắn phụ đề tiếng Việt.
- + Duyệt sản phẩm.
- + Xuất file.

b) Định mức biên dịch và phụ đề phóng sự, ký sự, phim tài liệu:

Đơn vị tính: 01 phóng sự/01 tập ký sự/01 tập phim tài liệu truyền hình

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số định mức sản xuất chương trình						
			5 phút	10 phút	15 phút	20 phút	25 phút	30 phút	50 phút
	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)								
	Biên dịch viên hạng III 3/9	Công	0,30	0,60	0,86	1,12	1,31	1,68	2,44
	Biên dịch viên hạng III 4/9	Công	0,04	0,07	0,10	0,13	0,15	0,20	0,28
	Biên tập viên hạng III 6/9	Công	0,01	0,02	0,03	0,04	0,05	0,06	0,09
	Biên tập viên hạng III 8/9	Công	0,01	0,02	0,03	0,04	0,05	0,06	0,09
	Kỹ thuật dựng phim hạng II 3/9	Công	0,07	0,13	0,20	0,26	0,33	0,40	0,66
	Phát thanh viên hạng III 5/10	Công	0,01	0,03	0,04	0,06	0,07	0,08	0,14
	<u>Máy sử dụng</u>								

	Hệ thống dựng phi tuyến	Giờ	0,58	1,17	1,75	2,33	2,92	3,50	5,67
	Hệ thống phòng đọc	Giờ	0,11	0,22	0,33	0,44	0,56	0,67	1,11
	Máy in	Giờ	0,01	0,01	0,02	0,02	0,02	0,03	0,04
	Máy tính	Giờ	2,26	4,57	6,53	8,44	9,78	12,72	17,84
	<u>Vật liệu sử dụng</u>								
	Giấy	Ram	0,01	0,01	0,02	0,02	0,03	0,03	0,05
	Mực in	Hộp	0,002	0,004	0,01	0,01	0,01	0,01	0,02
			1	2	3	4	5	6	7

Biên dịch và phụ đề tạp chí

a) Thành phần công việc:

- + Dịch từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc.
- + Đọc lời bình, lời dẫn tiếng dân tộc.
- + Ghép lời bình, lời dẫn.
- + Gắn phụ đề tiếng Việt.
- + Duyệt sản phẩm.
- + Xuất file.

b) Định mức biên dịch và phụ đề tạp chí:

Đơn vị tính: 01 chương trình truyền hình

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số định mức sản xuất chương trình		
			15 phút	20 phút	30 phút
	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)				
	Biên dịch viên hạng III 3/9	Công	0,70	0,95	1,40
	Biên dịch viên hạng III 4/9	Công	0,08	0,11	0,16
	Biên tập viên hạng III 6/9	Công	0,03	0,04	0,06
	Biên tập viên hạng III 8/9	Công	0,03	0,04	0,06

	Kỹ thuật dựng phim hạng II	3/9	Công	0,21	0,27	0,40
	Phát thanh viên hạng III	5/10	Công	0,05	0,06	0,08
	<u>Máy sử dụng</u>					
	Hệ thống dựng phi tuyến		Giờ	1,75	2,33	3,50
	Hệ thống phòng đọc		Giờ	0,42	0,50	0,67
	Máy in		Giờ	0,01	0,02	0,02
	Máy tính		Giờ	5,03	6,86	10,10
	<u>Vật liệu sử dụng</u>					
	Giấy		Ram	0,01	0,02	0,03
	Mực in		Hộp	0,01	0,01	0,01
				1	2	3

Biên dịch tọa đàm, giao lưu ghi hình phát sau, tư vấn qua truyền hình

a) Thành phần công việc:

- + Dịch từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc.
- + Đọc lời dẫn, lời bình tiếng dân tộc.
- + Ghép lời dẫn, lời bình.
- + Gắn phụ đề tiếng Việt.
- + Duyệt sản phẩm.
- + Xuất file.

b) Định mức biên dịch tọa đàm, giao lưu ghi hình phát sau, tư vấn qua truyền hình:

Đơn vị tính: 1 Chương trình truyền hình

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số định mức sản xuất chương trình			
			15 phút	20 phút	30 phút	40 phút
	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)					
	Biên dịch viên hạng III 3/9	Công	0,63	0,86	1,29	1,46

	Biên dịch viên hạng III	4/9	Công	0,07	0,09	0,14	0,15
	Biên tập viên hạng III	6/9	Công	0,03	0,04	0,06	0,08
	Biên tập viên hạng III	8/9	Công	0,03	0,04	0,06	0,08
	Kỹ thuật dựng phim hạng II	3/9	Công	0,20	0,27	0,40	0,52
	Phát thanh viên hạng III	5/10	Công	0,04	0,06	0,08	0,10
	<u>Máy sử dụng</u>						
	Hệ thống dựng phi tuyến		Giờ	1,75	2,33	3,50	4,67
	Hệ thống phòng đọc		Giờ	0,33	0,50	0,67	0,83
	Máy in		Giờ	0,01	0,01	0,02	0,02
	Máy tính		Giờ	4,43	6,06	9,10	9,75
	<u>Vật liệu sử dụng</u>						
	Giấy		Ram	0,01	0,02	0,02	0,03
	Mực in		Hộp	0,004	0,01	0,01	0,01
				1	2	3	4

4. Biên dịch và phụ đề từ tiếng dân tộc sang tiếng Việt

Biên dịch và phụ đề bản tin, trả lời khán giả

a) Thành phần công việc:

- + Dịch từ tiếng dân tộc sang tiếng Việt.
- + Hiệu đính.
- + Gắn phụ đề tiếng Việt.
- + Duyệt sản phẩm.
- + Xuất file.

b) Định mức biên dịch và phụ đề Bản tin truyền hình, trả lời khán giả:

Đơn vị tính: 01 bản tin/ 01 Chương trình truyền hình

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số định mức sản xuất chương trình				
			5 phút	10 phút	15 phút	20 phút	30 phút
	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)						
	Biên dịch viên hạng III 3/9	Công	0,15	0,26	0,37	0,45	0,54
	Biên dịch viên hạng III 4/9	Công	0,05	0,08	0,11	0,13	0,15

	Biên tập viên hạng III	6/9	Công	0,01	0,02	0,03	0,04	0,06
	Biên tập viên hạng III	8/9	Công	0,01	0,02	0,03	0,04	0,06
	Kỹ thuật dựng phim hạng II	3/9	Công	0,02	0,04	0,05	0,06	0,08
	<u>Máy sử dụng</u>							
	Hệ thống dựng phi tuyến		Giờ	0,35	0,63	0,90	1,15	1,67
	Máy in		Giờ	0,01	0,01	0,02	0,02	0,02
	Máy tính		Giờ	1,44	2,44	3,49	4,21	4,97
	<u>Vật liệu sử dụng</u>							
	Giấy		Ram	0,01	0,01	0,02	0,02	0,02
	Mực		Hộp	0,003	0,004	0,01	0,01	0,01
				1	2	3	4	5

Biên dịch và phụ đề phóng sự, ký sự, phim tài liệu

a) Thành phần công việc:

+ Dịch từ tiếng dân tộc sang tiếng Việt.

+ Hiệu đính.

+ Gắn phụ đề tiếng Việt.

+ Duyệt sản phẩm.

+ Xuất file.

b) Định mức biên dịch và phụ đề phóng sự, ký sự, phim tài liệu:

Đơn vị tính: 01 phóng sự/01 tập ký sự/01 tập phim tài liệu

Mã hiệu	Thành phần hao phí		Đơn vị	Trị số định mức sản xuất chương trình						
				5 phút	10 phút	15 phút	20 phút	25 phút	30 phút	50 phút
	Nhân công (Chức danh - Cấp bậc)									
	Biên dịch viên hạng III	3/9	Công	0,26	0,53	0,76	0,98	1,14	1,47	2,09
	Biên dịch viên hạng III	4/9	Công	0,04	0,07	0,10	0,13	0,15	0,20	0,28
	Biên tập viên hạng III	6/9	Công	0,01	0,02	0,03	0,04	0,05	0,06	0,09
	Biên tập viên hạng III	8/9	Công	0,01	0,02	0,03	0,04	0,05	0,06	0,09

	Kỹ thuật dựng phim hạng II 3/9	Công	0,02	0,03	0,05	0,07	0,09	0,10	0,17
	<u>Máy sử dụng</u>								
	Hệ thống dựng phi tuyến	Giờ	0,31	0,61	0,92	1,22	1,53	1,83	2,89
	Máy in	Giờ	0,01	0,01	0,02	0,02	0,02	0,03	0,04
	Máy tính	Giờ	2,26	4,57	6,53	8,44	9,78	12,72	17,84
	<u>Vật liệu sử dụng</u>								
	Giấy	Ram	0,01	0,01	0,02	0,02	0,03	0,03	0,05
	Mực	Hộp	0,002	0,004	0,01	0,01	0,01	0,01	0,02
			1	2	3	4	5	6	7

Biên dịch và phụ đề tạp chí

a) Thành phần công việc:

+ Dịch từ tiếng dân tộc sang tiếng Việt.

+ Hiệu đính.

+ Gắn phụ đề tiếng Việt.

+ Duyệt sản phẩm.

+ Xuất file.

b) Định mức biên dịch và phụ đề tạp chí:

Đơn vị tính: 01 Chương trình truyền hình

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số định mức sản xuất chương trình		
			15 phút	20 phút	30 phút
	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)				
	Biên dịch viên hạng III 3/9	Công	0,59	0,81	1,19
	Biên dịch viên hạng III 4/9	Công	0,08	0,11	0,16
	Biên tập viên hạng III 6/9	Công	0,03	0,04	0,06

	Biên tập viên hạng III	8/9	Công	0,03	0,04	0,06
	Kỹ thuật dựng phim hạng II	3/9	Công	0,05	0,07	0,10
	<u>Máy sử dụng</u>					
	Hệ thống dựng phi tuyến		Giờ	0,92	1,22	1,83
	Máy in		Giờ	0,01	0,02	0,02
	Máy tính		Giờ	5,03	6,86	10,10
	<u>Vật liệu sử dụng</u>					
	Giấy		Ram	0,01	0,02	0,03
	Mực		Hộp	0,01	0,01	0,01
				1	2	3

Biên dịch và phụ đề tọa đàm, giao lưu ghi hình phát sau, tư vấn qua truyền hình

a) Thành phần công việc:

+ Dịch từ tiếng dân tộc sang tiếng Việt.

+ Hiệu đính.

+ Gắn phụ đề tiếng Việt.

+ Duyệt sản phẩm.

+ Xuất file.

b) Định mức biên dịch và phụ đề tọa đàm, giao lưu ghi hình phát sau, tư vấn qua truyền hình:

Đơn vị tính: 01 Chương trình truyền hình

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số định mức sản xuất chương trình			
			15 phút	20 phút	30 phút	40 phút
	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)					
	Biên dịch viên hạng III					

	Biên dịch viên hạng III	4/9	Công	0,07	0,09	0,14	0,15
	Biên tập viên hạng III	6/9	Công	0,03	0,04	0,06	0,08
	Biên tập viên hạng III	8/9	Công	0,03	0,04	0,06	0,08
	Kỹ thuật dựng phim hạng II	3/9	Công	0,05	0,07	0,10	0,13
	<u>Máy sử dụng</u>						
	Hệ thống dựng phi tuyến		Giờ	0,92	1,22	1,83	2,39
	Máy tính		Giờ	4,43	6,06	9,10	9,75
	<u>Vật liệu sử dụng</u>						
	Giấy		Ram	0,01	0,02	0,02	0,03
	Mực		Hộp	0,004	0,01	0,01	0,01
				1	2	3	4

MỤC LỤC

I. BẢN TIN TRUYỀN HÌNH: 01.03.01.00.00.....	1
1. Bản tin truyền hình ngắn: 01.03.01.10.00.....	3
2. Bản tin truyền hình trong nước: 01.03.01.20.00.....	3
2.1. Bản tin truyền hình trong nước phát trực tiếp: 01.03.01.21.00.....	3
2.2. Bản tin truyền hình trong nước ghi hình phát sau: 01.03.01.22.00.....	11
3. Bản tin truyền hình tiếng dân tộc biên dịch: 01.03. 01.30.00.....	16
4. Bản tin truyền hình chuyên đề: 01.03. 01.40.00...../.....	22
5. Bản tin truyền hình quốc tế biên dịch: 01.03. 01.50.00.....	27
6. Bản tin truyền hình biên dịch sang tiếng nước ngoài: 01.03.01.60.00.....	32
7. Bản tin truyền hình thời tiết: 01.03.01.70.00.....	35
8. Bản tin truyền hình chạy chữ: 01.03.01.80.00.....	37
II. CHƯƠNG TRÌNH THỜI SỰ TỔNG HỢP: : 01.03.02.00.00.....	39
1. Chương trình thời sự tổng hợp phát trực tiếp: 01.03.02.01.00.....	39
2. Chương trình thời sự tổng hợp ghi hình phát sau: 01.03.02.02.00.....	50
III. PHÓNG SỰ: 01.03.03.00.00.....	59
1. Phóng sự chính luận: 01.03.03.10.00.....	59
2. Phóng sự điều tra: 01.03.03.20.00.....	63
3. Phóng sự đồng hành: 01.03.03.30.00.....	66
4. Phóng sự chân dung: 01.03.03.40.00.....	70
5. Phóng sự tài liệu: 01.03.03.05.00.....	75
6. Ký sự: 01.03.04.00.00.....	78
IV. PHIM TÀI LIỆU: 01.03.05.00.00.....	81
1. Phim tài liệu - sản xuất: 01.03.05.10.00.....	84
2. Phim tài liệu - Biên dịch: 01.03.05.20.00.....	90
V. TẠP CHÍ: 01.03.06.00.00.....	91
VI. TỌA ĐÀM: 01.03.07.00.00.....	97
1. Tọa đàm trường quay trực tiếp: 01.03.07.11.00.....	97
2. Tọa đàm trường quay ghi hình phát sau: 01.03.07.12.00.....	102
3. Tọa đàm ngoại cảnh ghi hình phát sau: 01.03.07.22.00.....	109

VII. GIAO LƯU: 01.03.08.00.00.....	110
1. Giao lưu trường quay trực tiếp: 01.03.08.11.00.....	114
2. Giao lưu trường quay ghi hình phát sau: 01.03.08.12.00.....	116
3. Giao lưu ngoại cảnh trực tiếp: 01.03.08.21.00.....	119
4. Giao lưu ngoại cảnh ghi hình phát sau: 01.03.08.22.00.....	121
5. Giao lưu trường quay trực tiếp có chương trình biểu diễn nghệ thuật: 01.03.08.30.00...	123
VIII. TƯ VẤN QUA TRUYỀN HÌNH: 01.03.09.00.00.....	125
IX. TƯỜNG THUẬT TRỰC TIẾP: 01.03.10.01.00.....	127
X. HÌNH HIỆU, TRAILER: 01.03.11.00.00.....	133
1. Trailer cổ động: 01.03.11.10.00.....	133
2. Trailer giới thiệu: 01.03.11.20.00.....	136
3. Hình hiệu kênh: 01.03.11.30.00.....	138
4. Bộ hình hiệu chương trình: 01.03.11.40.00.....	139
5. Hình hiệu quảng cáo: 01.03.11.50.00.....	140
6. Đồ họa: 01.03.12.00.00.....	141
XI. TRẢ LỜI KHÁN GIẢ: 01.03.13.00.00.....	146
1. Trả lời khán giả trực tiếp: 01.03.13.01.00.....	146
2. Trả lời khán giả ghi hình phát sau: 01.03.13.02.00.....	147
XII. CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN HÌNH TRÊN MẠNG INTERNET: 01.03.14.00.0025	
XIII. CHƯƠNG TRÌNH BIÊN TẬP TRONG NƯỚC: 01.03.15.00.00.....	154
PHỤ LỤC: BIÊN DỊCH VÀ PHỤ ĐỀ.....	155
1. Biên dịch và phụ đề từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài.....	155
Biên dịch và phụ đề bản tin, chương trình thời sự, trả lời khán giả.....	155
Biên dịch và phụ đề phóng sự, ký sự, phim tài liệu.....	156
Biên dịch và phụ đề tạp chí.....	158
Biên dịch và phụ đề tọa đàm, giao lưu ghi hình phát sau, tư vấn qua truyền hình.....	159
2. Biên dịch và phụ đề từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt	160
Biên dịch bản tin, chương trình thời sự và trả lời khán giả	161
Biên dịch và phụ đề phóng sự, ký sự, phim tài liệu	162
Biên dịch và phụ đề tạp chí	163

Biên dịch và phụ đề tọa đàm, giao lưu ghi hình phát sau, tư vấn qua truyền hình	164
3. Biên dịch và phụ đề từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc	165
Biên dịch và phụ đề bản tin, trả lời khán giả.....	165
Biên dịch và phụ đề phóng sự, ký sự, phim tài liệu	166
Biên dịch và phụ đề tạp chí	167
Biên dịch tọa đàm, giao lưu ghi hình phát sau, tư vấn qua truyền hình.....	168
4. Biên dịch và phụ đề từ tiếng dân tộc sang tiếng Việt.....	170
Biên dịch và phụ đề bản tin, trả lời khán giả.....	170
Biên dịch và phụ đề phóng sự, ký sự, phim tài liệu.....	171
Biên dịch và phụ đề tạp chí.....	172
Biên dịch và phụ đề tọa đàm, giao lưu ghi hình phát sau, tư vấn qua truyền hình.....	173

HỆ THỐNG VĂN BẢN TRUNG ƯƠNG ĐĂNG CÔNG BÁO THÁNG 7 NĂM 2022

STT	Tên cơ quan ban hành	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành	Số/ngày đăng công báo	Ghi chú
1	CHÍNH PHỦ	Nghị định số 39/2022/NĐ-CP ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ.	18-06-2022	517+518 06-7-2022	
		Nghị định số 43/2022/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.	24-06-2022	561+562 11-7-2022	
		Nghị định số 44/2022/NĐ-CP về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản.	29-06-2022	563+564 11-7-2022	
		Nghị định số 45/2022/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.	07-07-2022	605 đến 610 21-7-2022	
		Nghị định số 46/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết	13-07-2022	625+626 27-7-2022	

STT	Tên cơ quan ban hành	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành	Số/ngày đăng công báo	Ghi chú
		Luật Chăn nuôi.			
		Nghị định số 47/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.	19-07-2022	629+630 30-7-2022	
		Nghị quyết số 83/NQ-CP về việc ký quỹ và hỗ trợ cho vay để ký quỹ đối với người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình cấp phép việc làm cho lao động nước ngoài của Hàn Quốc.	08-07-2022	579+580 18-7-2022	
		Nghị quyết số 86/NQ-CP về phát triển thị trường vốn an toàn, minh bạch, hiệu quả, bền vững nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, huy động nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội.	11-07-2022	609+610 21-7-2022	

STT	Tên cơ quan ban hành	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành	Số/ngày đăng công báo	Ghi chú
		Nghị quyết số 88/NQ-CP về việc ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	22-07-2022	637+638 31-7-2022	
2	THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	Quyết định số 16/2022/QĐ-TTg về cơ chế hỗ trợ chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp y tế công lập thu không đủ chi do tác động của dịch COVID-19.	08-07-2022	615+616 24-7-2022	
		Quyết định số 765/QĐ-TTg ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu sử dụng ngân sách nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực Nội vụ.	23-06-2022	501+502 01-7-2022	
		Quyết định số 766/QĐ-TTg phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh	23-06-2022	501+502 01-7-2022	

STT	Tên cơ quan ban hành	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành	Số/ngày đăng công báo	Ghi chú
		giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử.			
		Quyết định số 787/QĐ-TTg về việc thành lập Hội đồng thẩm định Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	29-06-2022	559+560 10-7-2022	
		Quyết định số 793/QĐ-TTg phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	06-07-2022	579 đến 584 18-7-2022	
		Quyết định số 801/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030.	07-07-2022	583+584 18-7-2022	
		Quyết định số 809/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025.	12-07-2022	615+616 24-7-2022	

STT	Tên cơ quan ban hành	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành	Số/ngày đăng công báo	Ghi chú
		Quyết định số 840/QĐ-TTg về Ngày truyền thống Thanh tra Việt Nam.	15-07-2022	623+624 25-7-2022	
		Quyết định số 855/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng 1 năm 2023.	19-07-2022	633+634 30-7-2022	
		Quyết định số 856/QĐ-TTg phê duyệt Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam.	19-07-2022	635+636 31-7-2022	
3	BỘ CÔNG THƯƠNG	Thông tư số 11/2022/TT-BCT quy định về việc phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu đối với mặt hàng đường theo phương thức đấu giá.	27-06-2022	567+568 13-7-2022	
4	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	Thông tư số 09/2022/TT-BGTVT hướng dẫn một số nội dung về phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu lựa chọn nhà đầu tư theo phương thức đối tác công tư và mẫu loại hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao thuộc ngành giao thông vận tải.	22-06-2022	515+516 05-7-2022	

STT	Tên cơ quan ban hành	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành	Số/ngày đăng công báo	Ghi chú
		Thông tư số 10/2022/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt.	23-06-2022	523+524 08-7-2022	
		Thông tư số 11/2022/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay.	29-06-2022	567+568 13-7-2022	
		Thông tư số 12/2022/TT-BGTVT quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải.	30-06-2022	585+586 19-7-2022	

STT	Tên cơ quan ban hành	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành	Số/ngày đăng công báo	Ghi chú
		Thông tư số 15/2022/TT-BGTVT sửa đổi 1:2022 QCVN 89:2015/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa.	30-06-2022	595+596 20-7-2022	
		Thông tư số 17/2022/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.	15-07-2022	635+636 31-7-2022	
		Quyết định số 921/QĐ-BGTVT về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật về giao thông vận tải hết hiệu lực thi hành 06 tháng đầu năm 2022.	15-07-2022	637+638 31-7-2022	
5	BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG	Thông tư số 04/2022/TT-BKHCN quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà	31-05-2022	509 đến 514 04-7-2022	

STT	Tên cơ quan ban hành	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành	Số/ngày đăng công báo	Ghi chú
	NGHỆ	nước về duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường quốc gia; xây dựng quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.			
6	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin và lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.	15-06-2022	621 đến 624 25-7-2022	
		Thông tư số 12/2022/TT-BKHĐT quy định chi tiết về lập hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu, Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-	30-06-2022	585 đến 594 19-7-2022	

STT	Tên cơ quan ban hành	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành	Số/ngày đăng công báo	Ghi chú
		len.			
		Thông tư số 15/2022/TT-BKHĐT quy định chi tiết về lập hồ sơ mời thầu xây lắp đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu, Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len.	30-06-2022	595 đến 604 20-7-2022	
7	BỘ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	Thông tư số 11/2022/TT-BLĐTBXH hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.	30-06-2022	569+570 14-7-2022	
		Thông tư số 12/2022/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với	30-06-2022	603+604 20-7-2022	

STT	Tên cơ quan ban hành	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành	Số/ngày đăng công báo	Ghi chú
		Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia.			
		Thông tư số 13/2022/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã.	30-06-2022	609+610 21-7-2022	
8	BỘ NỘI VỤ	Thông tư số 06/2022/TT-BNV sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư.	28-06-2022	563+564 11-7-2022	

STT	Tên cơ quan ban hành	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành	Số/ngày đăng công báo	Ghi chú
9	BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.	11-07-2022	609+610 21-7-2022	
10	BỘ TÀI CHÍNH	Thông tư số 29/2022/TT-BTC quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ.	03-06-2022	623+624 25-7-2022	
		Thông tư số 31/2022/TT-BTC ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.	08-06-2022	523 đến 558 08-7-2022	
		Thông tư số 32/2022/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 273/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu,	09-06-2022	615+616 24-7-2022	

STT	Tên cơ quan ban hành	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành	Số/ngày đăng công báo	Ghi chú
		nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.			
		Thông tư số 34/2022/TT-BTC bãi bỏ Quyết định số 83/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Tiêu chuẩn Giám đốc Sở Tài chính thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	10-06-2022	513+514 04-7-2022	
		Thông tư số 35/2022/TT-BTC quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ là tài sản cố định.	16-06-2022	557+558 08-7-2022	
		Thông tư số 36/2022/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp,	16-06-2022	513+514 04-7-2022	

STT	Tên cơ quan ban hành	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành	Số/ngày đăng công báo	Ghi chú
		quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.			
		Thông tư số 37/2022/TT-BTC sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia.	22-06-2022	515+516 05-7-2022	
		Thông tư số 38/2022/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.	24-06-2022	615+116 24-7-2022	
		Thông tư số 39/2022/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 121/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 12	24-06-2022	635+636 31-7-2022	

STT	Tên cơ quan ban hành	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành	Số/ngày đăng công báo	Ghi chú
		năm 2021 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài.			
		Thông tư số 41/2022/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán áp dụng cho các hoạt động xã hội, từ thiện.	05-07-2022	629 đến 634 30-7-2022	
		Thông tư số 42/2022/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.	06-07-2022	635+636 31-7-2022	
11	BỘ THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG	Thông tư số 03/2022/TT-BTTTT quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Thông tin và Truyền thông.	22-06-2022	505+506 02-7-2022	

STT	Tên cơ quan ban hành	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành	Số/ngày đăng công báo	Ghi chú
		Thông tư số 04/2022/TT-BTTTT quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành Thông tin và Truyền thông.	22-06-2022	517 đến 522 06-7-2022	
		Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin.	30-06-2022	579+580 18-7-2022	
		Thông tư số 09/2022/TT-BTTTT hướng dẫn thực hiện hỗ trợ máy tính bảng và dịch vụ viễn thông công ích để sử dụng máy tính bảng thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025.	30-06-2022	625 đến 628 27-7-2022	

STT	Tên cơ quan ban hành	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành	Số/ngày đăng công báo	Ghi chú
		Thông tư số 10/2022/TT-BTTTT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BTTTT ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục sản phẩm an toàn thông tin mạng nhập khẩu theo giấy phép và trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng.	20-07-2022	637+638 31-7-2022	
12	BỘ XÂY DỰNG	Thông tư số 01/2022/TT-BXD hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.	30-06-2022	569+570 14-7-2022	

STT	Tên cơ quan ban hành	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành	Số/ngày đăng công báo	Ghi chú
13	NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	Thông tư số 05/2022/TT-NHNN bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành.	29-06-2022	563+564 11-7-2022	
		Thông tư số 06/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.	30-06-2022	565+566 12-7-2022	
		Thông tư số 07/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2019/TT-NHNN ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định các giới	30-06-2022	567+568 13-7-2022	

STT	Tên cơ quan ban hành	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành	Số/ngày đăng công báo	Ghi chú
		hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.			
		Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng.	30-06-2022	627+628 27-7-2022	
		Thông tư số 09/2022/TT-NHNN hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài.	12-07-2022	623+624 25-7-2022	
14	VĂN BẢN HỢP NHẤT	Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-VPQH hợp nhất Nghị quyết về Biểu thuế bảo vệ môi trường.	06-08-2021	613+614 22-7-2022	
		Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-VPQH hợp nhất Nghị quyết quy định về lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính	06-08-2021	611+612 22-7-2022	

STT	Tên cơ quan ban hành	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành	Số/ngày đăng công báo	Ghi chú
		05 năm quốc gia, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia, dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm.			
		Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-VPQH hợp nhất Luật khiếu nại.	06-08-2021	611+612 22-7-2022	
		Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-VPQH hợp nhất Luật Thống kê.	03-12-2021	613+614 22-7-2022	
		Văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BGDĐT hợp nhất Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục.	06-07-2022	577+578 17-7-2022	
		Văn bản hợp nhất số 05/VBHN-VPQH hợp nhất Bộ luật Tố tụng hình sự.	03-12-2021	615 đến 620 24-7-2022	

STT	Tên cơ quan ban hành	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành	Số/ngày đăng công báo	Ghi chú
		Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-VPQH hợp nhất Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự.	03-12-2021	613+614 22-7-2022	
		Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-BKHCN hợp nhất Thông tư ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tương thích điện từ đối với thiết bị điện và điện tử gia dụng và các mục đích tương tự”.	21-02-2022	609+610 21-7-2022	
		Văn bản hợp nhất số 08/VBHN-BKHCN hợp nhất Thông tư ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm chiếu sáng bằng công nghệ LED”.	21-02-2022	609+610 21-7-2022	
		Văn bản hợp nhất số 11/VBHN-NHNN hợp nhất Thông tư quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương	07-07-2022	603+604 20-7-2022	

STT	Tên cơ quan ban hành	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành	Số/ngày đăng công báo	Ghi chú
		mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.			
		Văn bản hợp nhất số 12/VBHN-NHNN hợp nhất Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.	07-07-2022	603+604 20-7-2022	
		Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BTC hợp nhất Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền và lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền.	21-06-2022	563+564 11-7-2022	
		Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BTC hợp nhất Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng	21-06-2022	563+564 11-7-2022	

STT	Tên cơ quan ban hành	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành	Số/ngày đăng công báo	Ghi chú
		nguyên tử.			
		Văn bản hợp nhất số 15/VBHN-BTC hợp nhất Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao áp dụng tại các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.	21-06-2022	565+566 12-7-2022	
		Văn bản hợp nhất số 16/VBHN-BTC hợp nhất Thông tư hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.	07-07-2022	609+610 21-7-2022	
		Văn bản hợp nhất số 25/VBHN-BGTVT hợp nhất Thông tư quy định về điều kiện đối với xe chở người bốn	24-06-2022	565+566 12-7-2022	

STT	Tên cơ quan ban hành	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành	Số/ngày đăng công báo	Ghi chú
		bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông trong phạm vi hạn chế.			
		Văn bản hợp nhất số 26/VBHN-BGTVT hợp nhất Thông tư quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp xe cơ giới.	24-06-2022	567+568 13-7-2022	
		Văn bản hợp nhất số 27/VBHN-BGTVT hợp nhất Thông tư quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt.	28-06-2022	611+612 22-7-2022	
		Văn bản hợp nhất số 30/VBHN-BGTVT hợp nhất Thông tư quy định về cung cấp, quản lý và sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô.	05-07-2022	577+578 17-7-2022	
		Văn bản hợp nhất số 2021/VBHN-BLĐTBXH hợp nhất Nghị định quy	16-06-2022	Từ 501 đến	

STT	Tên cơ quan ban hành	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành	Số/ngày đăng công báo	Ghi chú
		định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.		504 01-7-2022	
		Văn bản hợp nhất số 2091/VBHN-BLĐTBXH hợp nhất Nghị định thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội.	20-06-2022	503+504 01-7-2022	
		Văn bản hợp nhất số 2022/VBHN-BLĐTBXH hợp nhất Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp.	16-06-2022	505 đến 508 02-7-2022	

VĂN PHÒNG UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG XUẤT BẢN

Địa chỉ: Tầng 16 - Tháp B, Tòa nhà TTHC tỉnh Bình Dương

Điện thoại: (0274).3848.243

Fax: (0274).3843.132

Email: congbaobd@gmail.com

Website: congbao.binhduong.gov.vn

In tại Công ty TNHH MTV Chung Tài Phúc